

Bản án số: 21/2024/DS-ST

Ngày: 28-6-2024

V/v “Tranh chấp về hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Viết Tuấn

Ông Nguyễn Huỳnh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2024/TLST-DS17/01/2024 về “Tranh chấp về hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-DS ngày 23/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Minh H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1978. (Có mặt)

2. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

2. Bà Đường Thị Ngọc T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

3. Bà Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2024 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Minh H trình bày:

Ông là thành viên tham gia hội do bà Phạm Thị H1 làm chủ thảo, các dây hội hoạt động bình thường cho đến tháng 7/2023 thì ông V, bà H1 ngưng khai. Nên ông khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị H1 cùng chồng là ông Nguyễn Văn V liên đới trả tiền hội đã đóng của 02 dây hội với số tiền 24.950.000 đồng, cụ thể:

- Dây hội 5.000.000 đồng (dây 1), 4 tháng khai 01 lần, bắt đầu khai ngày 15/4/2022 âm lịch, gồm có 11 phần, mẫn hội vào tháng 8/2025 âm lịch, tên trong danh sách là H 1, ông đóng được 04 lần, cụ thể: Lần 1 đóng vào tháng 4/2022 với số tiền 3.200.000 đồng; Lần 2 đóng vào tháng 8/2022 với số tiền 3.200.000 đồng; Lần 3 đóng vào tháng 12/2022 với số tiền 3.050.000 đồng; Lần 4 đóng vào tháng 4/2023 với số tiền 2.800.000 đồng. Tổng số tiền ông đóng là 12.250.000 đồng.

- Dây hội 5.000.000 đồng (dây 2), 4 tháng khai 01 lần, bắt đầu khai ngày 15/4/2022 âm lịch, gồm có 11 phần, mẫn hội vào tháng 8/2025 âm lịch, tên trong danh sách hội là H 2, ông đóng được 04 lần, cụ thể: Lần 1 đóng vào tháng 4/2022 với số tiền 3.300.000 đồng; Lần 2 đóng vào tháng 8/2022 với số tiền 3.500.000 đồng; Lần 3 đóng vào tháng 12/2022 với số tiền 3.200.000 đồng; Lần 4 đóng vào tháng 4/2023 với số tiền 2.700.000 đồng. Tổng số tiền ông đóng là 12.700.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông là chồng của bà Phạm Thị H1, có đăng ký kết hôn ngày 03/7/2009 tại UBND xã V, chỉ một mình bà H1 làm chủ thảo các dây hội nhưng khi các thành viên lại đóng hội không có bà H1 ở nhà thì ông nhận và giao lại cho bà H1. Ông biết ông Võ Minh H có tham gia 02 dây hội như lời trình bày của ông H. Trước yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu ông liên đới với bà H1 trả số tiền 24.950.000 đồng, ông đồng ý.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bà Phạm Thị H1 không thể hiện ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn: Tất cả đều tuân theo pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn bà Phạm Thị H1 chưa thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông V, bà H1 trả tổng số tiền cho 02 dây hội là 24.950.000 đồng. Cụ thể, dây hội 5.000.000 đồng (dây 1), bắt đầu khai ngày 15/4/2022 âm lịch, gồm 11 phần, ông H đóng được 04 lần hội sống. Tổng số tiền ông H đã đóng là 12.250.000 đồng. Đối với dây hội 5.000.000 đồng (dây 2), bắt đầu khai ngày 15/4/2022 âm lịch, ông H đóng được 04 lần hội

sống. Tổng số tiền ông H đã đóng là 12.700.000 đồng: Theo lời trình bày của nguyên đơn thì cách thức tham gia hội do bà Phạm Thị H1 làm thảo hội không lập thành văn bản, khi bỏ thăm hốt hội, đóng hội cũng không có ký tên; bà H1 chỉ lập danh sách thành viên tham gia dây hội và thông báo đến các hội viên về số lượng thành viên tham gia, số phần trong dây hội, số tiền cần đóng, các hội viên không trực tiếp tham gia bỏ hội với nhau mà tất cả các thông tin đều do bà H1 điện thoại thông báo. Đối chiếu số hội do bà H1 lập và lời trình bày của các người làm chứng (bà V1, bà D, bà T) cùng tham gia chung các dây hội với ông H nhận thấy lời trình bày của ông H là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ liên đới của ông Nguyễn Văn V: Ông V là chồng bà H1, thời gian bà H1 làm chủ thảo hội thì giữa ông V và bà H1 vẫn còn là hôn nhân hợp pháp. Việc bà H1 làm thảo hội ông V có biết và ông cũng có nhận tiền ông H đóng hội cho bà H1. Trước yêu cầu của ông H, ông V đồng ý cùng bà H1 trả nợ nên yêu cầu của ông H buộc ông V trả nợ cùng bà H1 là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất chậm trả: Ông H không yêu cầu nên không xem xét

Từ phân tích trên căn cứ Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hội, bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H1 có nơi cư trú tại ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Phạm Thị H1 được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, những người làm chứng xin vắng mặt nên căn cứ Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Về nội dung khởi kiện:

[3.1] Giữa nguyên đơn ông Võ Minh H và ông Nguyễn Văn V thống nhất với nhau toàn bộ nội dung vụ án, còn bà Phạm Thị H1 vắng mặt. Ông H cho rằng ông tham gia 02 dây hội 5.000.000 đồng (4 tháng khai 01 lần) và ông đã đóng được tổng số tiền 24.950.000 đồng. Ông H chỉ cung cấp được danh sách hội nhưng có các người làm chứng là thành viên tham gia hội biết ông H có tham gia như bà Nguyễn Thị V1, Đường Thị Ngọc T, Phan Thị Ngọc D. Đây là vấn đề thực tế tại địa phương vùng nông thôn, người dân ít am hiểu pháp luật, chủ yếu là tin tưởng lẫn nhau. Bà Phạm Thị H1 đã tổ chức nhiều dây hội, đã ngưng hội, không có bất kỳ thiện chí thực hiện nghĩa vụ của người chủ thảo.

Ông V cung cấp cho Tòa án sổ ghi hụi của bà H1, trong đó có 02 danh sách hụi trùng khớp với danh sách hụi do ông H cung cấp, 02 dây hụi nêu trên đều có tên ông H, sổ có thể hiện số tiền từng lần bỏ thăm hụi của mỗi dây hụi. Nên có căn cứ thể hiện ông H có tham gia 02 dây hụi và đóng được số tiền 24.950.000 đồng.

[3.2] Ông Võ Minh H yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H1 liên đới trả số tiền trên và ông V cũng đồng ý. Xét thấy, đây là hụi có hoa hồng, ông V thống nhất việc này và cho rằng sử dụng số tiền hoa hồng của mỗi lần khai hụi vào mục đích sinh hoạt chung trong đình nên ông V phải có nghĩa vụ liên đới với bà H1 trả số tiền theo yêu cầu khởi kiện của ông H là phù hợp với Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về tiền lãi: Ông Võ Minh H không yêu cầu nên không xem xét.

[3.4] Từ những lập luận trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H1 phải chịu án phí tính trên số tiền phải trả cho ông Võ Minh H ($24.950.000 \text{đồng} \times 5\% = 1.247.500 \text{đồng}$). Ông Võ Minh H được chấp nhận yêu cầu nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phường; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh H về việc tranh chấp về hụi với ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H1.

2. Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H1 liên đới trả cho ông Võ Minh H số tiền 24.950.000 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

4.1. Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H1 liên đới chịu 1.247.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

4.2. H2 lại cho ông Võ Minh H 740.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 17/01/2024 theo biên lai thu số 0002432.

Báo cho đương sự có mặt được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị The